

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Hoàng Đức Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc L - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 209/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Công D; Nơi cư trú: Thôn 01, xã N, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị B; Nơi cư trú: Thôn 01, xã N, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Công D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đoàn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, thành phố H vào năm 1996, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề cuộc sống nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bản thân chị B không chịu khó lao động, quan tâm

chăm sóc gia đình nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung và cho đến nay không còn khả năng đoàn tụ. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhau không còn quan tâm nhau, nay để giải phóng cho nhau anh D đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn chị Đoàn Thị B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Đoàn Thùy L, sinh năm 1998; Phạm Đoàn Huyền T, sinh năm 2001 và Phạm Công K, sinh năm 2009. Khi ly hôn hiện nay con chung tên Đoàn Thùy L và Phạm Đoàn Huyền T đều đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, con nhỏ tên Phạm Công K vì điều kiện con còn nhỏ nên tôi đề nghị được nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung 01 ngôi nhà 02 tầng xây trên đất của bố mẹ nay ly hôn để lại sau này cho con anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đoàn Thị B vắng mặt tại phiên tòa, song quá trình giải quyết vụ án đã có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Công D kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 1999, sau khi cưới vợ chồng về ăn ở cùng nhau tại thôn 01, M, xã N, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay đã được hai bên gia đình bố mẹ hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được đến nay tuổi đã cao vợ 02 con gái đã có gia đình riêng vì các con chị cùng anh D sẽ cố gắng cải thiện tình cảm vợ chồng để cùng nhau chăm sóc gia đình, chị không đồng ý ly hôn mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung tên Phạm Đoàn Thùy L, sinh ngày 12/7/1998; Phạm Đoàn Huyền T, sinh ngày 17/8/2001 và Phạm Công K, sinh ngày 12/3/2009. Hiện nay 02 con chung tên Phạm Đoàn Thùy L và Phạm Đoàn Huyền T đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung tên Phạm Công K còn nhỏ vì con chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2009 xây trên diện tích đất của bố mẹ cho vợ chồng ăn ở, nay chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu chia tài sản chung.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Phạm Công D và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Công D được ly hôn chị Đoàn Thị B; Về con chung: Anh D và chị B có 03 con chung tên Phạm Đoàn Thùy L, sinh ngày 12/7/1998; Phạm Đoàn Huyền T, sinh ngày 17/8/2001 và Phạm Công K, sinh ngày 12/3/2009. Khi ly hôn hiện nay 02 con chung tên Phạm Đoàn Thùy L và Phạm Đoàn Huyền T đã trưởng thành trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay con chung tên Phạm Công K còn nhỏ để có nơi ở ổn định cần giao con chung cho anh Phạm Công D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Anh D và chị B thống nhất trình bày vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Công D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn anh Phạm Công D vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Đoàn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ song vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 39 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét anh D và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố H 40, ngày 31 tháng 10 năm 1999 là hôn nhân hợp pháp. Anh D trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề cuộc sống anh cũng đã cố gắng nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau. Nay anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, bị đơn chị B vắng mặt tại phiên tòa song đã có quan điểm trình bày mong muốn chị suy nghĩ lại vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, chị không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử, xét: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị B đã kéo dài nhiều năm và không thể cải thiện được, chị B mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thiện chí hợp tác đến Tòa án và cũng không chủ động gặp gỡ anh D và gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy mục đích hôn nhân giữa anh D và chị B không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 cho anh D và chị B được ly hôn.

[3] Về con chung

Anh D và chị B có 03 con chung Phạm Đoàn Thùy L, sinh ngày 12/7/1998; Phạm Đoàn Huyền T, sinh ngày 17/8/2001 và Phạm Công K, sinh ngày 12/3/2009. Khi ly hôn hiện nay 02 con chung tên Phạm Đoàn Thùy L và Phạm Đoàn Huyền T đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung tên Phạm Công K hiện nay còn nhỏ để ổn định cuộc sống học tập của con anh D đề nghị được nuôi con chung, chị B cũng có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét về điều kiện nuôi con chung của anh D và chị B là như nhau, song để ổn định tâm lý, học tập của con chung cũng như căn cứ nguyện vọng của con chung trên 7 tuổi, Hội đồng xét xử, xét cần giao con chung cho anh Phạm Công D nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D và chị B đều thống nhất trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung

Anh D và chị B thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Phạm Công D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Công D được ly hôn chị Đoàn Thị B.
2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Công K, sinh ngày 12/3/2009, cho anh Phạm Công D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Công D và chị Đoàn Thị B đều thống nhất trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Công D và chị Đoàn Thị B thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Phạm Công D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nay được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008107, ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Phạm Công D đã nộp đủ.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã N, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

